

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN NAM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-8-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bá Trung Ấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hải.

Ông Huỳnh Kiều Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hồng N tiến đến hôn nhân tự nguyện năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Sau khi lấy nhau thời gian đầu vợ chồng chị sinh sống tại thôn P, xã N rồi sau đó vào làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang, còn anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống

với nhau có hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, trong thời gian chị về nhà mẹ ruột ở Hậu Giang sinh cháu T thì anh N không quan tâm chăm sóc, không có trách nhiệm với vợ con nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2014 cho đến nay chị và anh N đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23-4-2011 và Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 29-10-2013. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc vắng mặt bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Hồng N nhưng anh N không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Hồng N có nơi cư trú tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 11 tháng 7 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Thời gian đầu chị H và anh N chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh N không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặt khác, quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh N không đến Tòa án để làm việc, điều này chứng tỏ anh N thiếu thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình, không còn tha thiết cuộc sống hôn nhân với chị H. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23-4-2011 và Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 29-10-2013. Từ khi chị H, anh N sống ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con, vẫn đảm bảo cho các con có cuộc sống phát triển bình thường về thể chất cũng như về mặt tinh thần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là quyền định đoạt của đương sự nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 23-4-2011 và Nguyễn Huỳnh Quốc T, sinh ngày 29-10-2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị

Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011132 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-8-2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bá Trung Ân**